

Bản án số: 03/2023/HS-ST
Ngày 10-01-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Vũ Văn Sâm: Phó hiệu trưởng Trường THCS Quỳnh Hồng
- Bà Vũ Thị Hương: Chủ tịch Hội phụ nữ xã Quỳnh Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Gien Ny - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 112/2022/TLST-HS ngày 23 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122/2022/QĐXXST- HS ngày 23 tháng 12 năm 2022 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 01/TB-TA ngày 03 tháng 01 năm 2023, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Trung K, 21/12/2005, tại huyện P, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Thôn M, xã QT, huyện P, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Không; học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn C, sinh năm 1970; con bà: Bùi Thị C, sinh năm 1972; Vợ, con: chưa có;

Tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Quyết định số 246/QĐ-XPHC ngày 04/11/2021, Công an huyện P, tỉnh Thái Bình xử phạt bằng hình thức cảnh cáo về hành vi đánh nhau; Quyết định số 285/QĐ-XPHC ngày 13/12/2021, Công an huyện P, tỉnh Thái Bình xử phạt bằng hình thức cảnh cáo về hành vi trộm cắp tài sản.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 19/7/2022 nhưng do vi phạm nghĩa vụ cam đoan (ngày 12/9/2022 và 11/10/2022 có hành vi đánh gây thương tích cho người khác) nên ngày 23/10/2022 bị bắt

tạm giam. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo K: Bà Bùi Thị C sinh năm 1972 – Là mẹ đẻ

Địa chỉ: Thôn M, xã QT, huyện P, tỉnh Thái Bình.

2.Hoàng Đức N, 24/11/2005, tại huyện H, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Thôn Nội Thôn, xã Tây Đô, huyện H, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Học sinh; học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm C, sinh năm 1953; con bà: Hoàng Thị P, sinh năm 1976; Vợ, con: chưa có;

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 19/7/2022 nhưng do vi phạm nghĩa vụ cam đoan (ngày 10/11/2022 có hành vi gây thương tích cho người khác) nên ngày 18/10/2022 bị bắt tạm giam. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện P, tỉnh Thái Bình.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo N: Ông Phạm C sinh năm 1953 – Là bố đẻ

Địa chỉ: P1-N8, tập thể Đại học KT, phường ĐT, quận H, thành phố Hà Nội.

3.Nguyễn Đình T, sinh ngày 27/11/2007, tại huyện P, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Thôn G, xã QH, huyện P, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Học sinh; học vấn: Đang học lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Đình T, sinh năm 1983; con bà: Đình Thị L, sinh năm 1988 (đã ly hôn); Vợ, con: chưa có;

Tiền án, tiền sự: không;

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 19/7/2022 đến nay.

Người giám hộ cho bị cáo T: Bà Vũ Thị N1 sinh năm 1958 – Là bà nội

Địa chỉ: Thôn G, xã QH, huyện P, tỉnh Thái Bình

Người bào chữa cho các bị cáo: Ông Lê Chí D– Trợ giúp viên pháp lý Nhà nước thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thái Bình.

Bị hại: Cháu Mai Thị A, sinh ngày 19/9/2006

Người đại diện hợp pháp cho cháu Thư: Ông Mai Văn T sinh năm 1973– Là bố đẻ

Cùng địa chỉ: Thôn L, xã V, huyện P, tỉnh Thái Bình

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu A: Bà Trần Thị L – Trợ giúp viên pháp lý Nhà nước thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thái Bình.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Anh Bùi Văn T1, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện H, tỉnh Thái Bình.

Người làm chứng:

- Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn Cao Nội, xã An Cầu, huyện P, tỉnh Thái Bình.

- Cháu Tống Thị R, sinh ngày 28/02/2005; địa chỉ: Thôn AV, xã ĐH, huyện P, tỉnh Thái Bình.

Người đại diện hợp pháp của cháu Trang: Ông Tống Văn Đ1, sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn A, xã TT, huyện N, tỉnh Nam Định (là bố đẻ cháu R)

- Anh Bùi Thọ K, sinh năm 2003; địa chỉ: Thôn L, xã X, huyện P, tỉnh Thái Bình

- Ông Phạm C, sinh năm 1953; địa chỉ: P1 – 8, tập thể Đại học Kinh tế quốc dân, phường Đồng Tâm, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

- Bà Bùi Thị C, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn M, xã QT, huyện P, tỉnh Thái Bình.

- Ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn G, xã QH, huyện P, tỉnh Thái Bình.

(Tại phiên tòa có mặt các bị cáo, bà C, ông C, bà Ngô, ông D và bà L; vắng mặt cháu A, ông T, cháu R, ông Đ, anh T1, anh Đ1, anh K và ông T)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Do có quen biết nên sáng ngày 29/6/2022, Nguyễn Trung K rủ Nguyễn Đình T đến nhà em họ là Tống Thị R chơi và ở lại ăn cơm trưa. Khoảng 13 giờ, Hoàng Đức N điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave alpha, biển kiểm soát 17B4-381.77 đến nhà Trang chơi. Tại đây, N rủ K, T, Trang đi chơi. K, T đồng ý, còn Trang ở nhà không đi. K điều khiển xe mô tô trên chõ N ngồi giữa, T ngồi sau đi từ nhà Trang ra đường Quốc lộ 10 rồi rẽ vào đường Thái Hà đến ngã tư giao nhau giữa đường Thái Hà với đường ĐT396B rẽ phải theo đường ĐT 396B hướng thị trấn C, huyện P. Đến ngã ba giao giữa đường ĐT396B với đường vào Ủy ban nhân dân xã X, K điều khiển xe rẽ phải hướng Ủy ban nhân dân xã X được khoảng 500 mét thì gặp anh Bùi Thọ K là bạn của K, đi bên đường nên K dừng xe đi lại gặp K. T, N ngồi trên xe đợi. Khoảng năm (05) phút sau, K tiếp tục điều khiển xe chõ N, T đi về phía trước tới gần Trường tiểu học xã X thì quay lại. Cách đường ĐT396B còn khoảng 200 mét, K phát hiện thấy phía trước bên phải theo chiều đi Cháu Mai Thị A, dựng xe máy điện, nhãn hiệu BEFORE ALL, màu đỏ đen, biển kiểm soát 17MĐ5-009.AB ở mé đường, đang sử dụng chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J6+, màu đỏ, ốp lưng màu trắng. Lúc này, K nảy sinh ý định giật chiếc điện thoại của cháu A. K điều khiển xe đi qua cháu A khoảng 50 mét rồi quay lại đi

chậm bảo N, T “*Chúng mày nhìn kia*” và hát hàm về phía cháu A. Nghe vậy, N nói “*Con kia cầm điện thoại kia, đi theo giật lấy chiếc điện thoại*”. K, T đồng ý. K điều khiển đi qua vị trí cháu A đứng hơn 50 mét rồi quay lại. Thấy cháu A điều khiển xe máy điện đi ra đường ĐT396B rẽ phải hướng phía thị trấn C, K điều khiển xe theo sau. Trên đường đi, K bảo “*Để ý xung quanh xem có người và phương tiện không*”. T quan sát phía sau có 2 xe mô tô đi tới nên bảo “*Có người đẩy từ từ hãy giật*”. Nghe vậy, K điều khiển xe đi chậm lại. N bảo T “*Tý lên mày giật nhá*”. T đáp “*Thôi, tao nhát, mày giật đi*”. N đồng ý. Đến thôn ĐH, xã X (phía trước Công ty may TĐ) chờ cho 2 xe mô tô đi phía sau vượt lên, quan sát thấy đường vắng người, T bảo “*Đằng sau không có người, đi lên giật*”. Lúc này, cháu Thu lái xe bằng tay phải, tay trái cầm điện thoại giơ lên tai nghe. Thấy vậy, K tăng tốc độ, điều khiển xe đi lên song song, áp sát bên trái, cách xe cháu Thu khoảng 40 đến 50 cm. T ngồi sau hai tay bám vào tay sách phía sau xe đẩy người về trước, N ngồi giữa nhóm người lên, quay sang phải, tỳ mông vào ngực T, dùng hai tay giật lấy chiếc điện thoại trên tay cháu Thu. Xe cháu Thu điều khiển mất lái đổ sang trái. Cháu Thu bị ngã xuống đường. K tăng tốc độ đi thẳng về hướng thị trấn C tới ngã tư gần cây xăng Hoàng Trọng rẽ phải vào đường thôn Bình Minh, xã X rẽ ra đường Thái Hà. Tới ngã tư giao nhau giữa đường Thái Hà với đường thôn GH 1, xã V, huyện P, N đưa chiếc điện thoại giật được cho T. T cầm tháo ốp lưng của chiếc điện thoại thấy có căn cước công dân của cháu A, dùng tăm xỏ lỗ tai tháo rút 02 sim của chiếc điện thoại ra ném cùng căn cước công dân của cháu Thu xuống đường. Thấy T không mở được khóa điện thoại do có mật khẩu N bảo “*Dem đi phá khóa*”. K đồng ý điều khiển xe chở N, T đến quán sửa chữa điện thoại TĐ mobile, ở thôn L!, xã AN, huyện P của anh Nguyễn Văn Đ. Cả 3 vào quán, gặp anh Đ, N nói “*Cháu quên mật khẩu chú xem giúp cháu*”. Anh Đ đáp “*Phải chạy lại máy*”. Cả ba đồng ý ngồi chờ. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, anh Đ mở được khóa điện thoại đưa cho N. K trả anh Đ số tiền 110.000 đồng. Sau đó, K tiếp tục điều khiển xe chở N, T về nhà Trang chơi. Do sợ bị phát hiện cả ba rủ nhau đi trốn. K điều khiển xe chở N, T đến xã TL, huyện Đông Hưng vào nhà nghỉ (không nhớ tên, địa chỉ) ở bên đường thuê 01 phòng ngủ. Tại đây, K tháo ốp lưng của chiếc điện thoại cướp giật được lắp vào điện thoại của mình để sử dụng. Đến 11 giờ ngày 30/6/2022, T ở nhà nghỉ, K chở N cầm chiếc điện thoại cướp giật được đến cửa hàng Sơn Thành của anh Bùi Văn T1, ở Thôn N, xã C, huyện H bán cho anh T1 được số tiền 300.000 đồng. N nhận tiền cùng K quay lại nhà nghỉ trả tiền thuê phòng 150.000 đồng, số tiền còn lại cả ba chi tiêu chung hết. Đến khoảng 14 giờ, K chở N, T về nhà Trang sau đó N điều khiển xe đi về nhà.

Cháu Mai Thị A ngã xuống đường bị trầy xước da vùng trán, môi trên bên trái và bàn tay phải nên tự dậy dựng xe đi về nhà. Ngày 02/7/2022, cháu A đến Công an huyện P trình báo vụ việc. Ngày 03/7/2022, Hoàng Đức N đến Công an huyện P xin đầu thú và giao nộp chiếc xe mô tô biển kiểm soát 17B4-381.77 sử dụng làm phương tiện phạm tội. Cùng ngày, K và T cũng đến trình diện theo giấy triệu tập của Cơ quan Cảnh sát điều Công an, K tự nguyện giao nộp lại chiếc ốp lưng điện thoại cao su màu trắng (sữa) chiếm đoạt của cháu Thu. Cơ

quan điều tra Công an huyện đã quản lý lại chiếc điện thoại các bị cáo chiếm đoạt của cháu A bán cho anh Bùi Văn T1.

Kết luận định giá tài sản số 22/KL-HĐĐGTS ngày 07/7/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện P kết luận: “01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J6+, màu đỏ, loại 32GB, đã qua sử dụng, trị giá 1.400.000 đồng; 01 ốp lưng điện thoại cao su màu trắng, đã qua sử dụng, trị giá 30.000 đồng; 01 gói sim điện thoại Viettel, trị giá 50.000 đồng; 01 gói sim điện thoại VietNmobile, trị giá 50.000 đồng. Tổng trị giá tài sản tại thời điểm bị chiếm đoạt là 1.530.000 đồng”.

Kết luận giám định pháp y về thương tích số 262/22/TgT ngày 08/7/2022 của Trung tâm pháp y Sở y tế Thái Bình, kết luận: “1. Dấu hiệu chính qua giám định: Tổn thương do cơ thể tác động vào vật cứng làm trầy xước da vùng trán, tay phải và môi trên bên trái. Hiện tại: người bình thường. 2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 0%”.

Bản Cáo trạng số 119/CT-VKS QP ngày 22/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình truy tố các bị cáo Nguyễn Trung K, Hoàng Đức N và Nguyễn Đình T về tội “*Cướp giật tài sản*” theo quy định tại các điểm d, g khoản 2, Điều 171 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố.

Quá trình giải quyết vụ án Cháu Mai Thị A khai: Khoảng 14 giờ ngày 29/6/2022 cháu đang điều khiển xe đạp điện tại đi tại đường 369B gần Công công ty TĐ, tay phải điều khiển xe, tay trái nghe điện thoại (điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J6+, màu đỏ, loại 32GB bên trong có 01 căn cước công dân mang tên cháu) thì có 03 người điều khiển xe mô tô đi qua, trong đó có người ngồi giữa giật điện thoại của cháu, làm cháu choạng lái ngã xuống đường, dẫn đến xây xát vùng môi, trán nhưng không gây thương tích gì đối với cháu. Cháu đã nhận lại điện thoại và ốp điện thoại, cháu cũng đã nhận số tiền gia đình các bị cáo bồi thường 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*), cháu không yêu cầu các bị cáo bồi thường căn cước công dân và 02 sim điện thoại, không yêu cầu bồi thường thêm bất cứ khoản nào. Về trách nhiệm hình sự: cháu đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Nguyễn Trung K, Hoàng Đức N và Nguyễn Đình T. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh tuyên bố các bị cáo Nguyễn Trung K, Hoàng Đức N và Nguyễn Đình T về tội “*Cướp giật tài sản*”.

Về hình phạt chính: Áp dụng điểm d, g khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 12; Điều 17; Điều 58; Điều 50; Điều 38; Điều 90; Điều 91; Điều 98 và Điều 101 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Trung K, Hoàng Đức N đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Trung K từ 02 năm 09 tháng tù đến 03 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23/10/2022; xử phạt bị cáo

Hoàng Đức N từ 02 năm 06 tháng từ đến 02 năm 08 tháng từ. Thời hạn từ tính từ ngày 18/10/2022;

Áp dụng điểm d, g khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 12; Điều 17; Điều 58; Điều 50; Điều 38; khoản 1, khoản 2 Điều 65; Điều 90; Điều 91, Điều 98 và Điều 101 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Đình T từ 01 năm 06 tháng từ đến 01 năm 09 tháng từ nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, khoản 1 Điều 585 và Điều 590 của Bộ luật Dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện, thỏa thuận giữa các bị cáo và bị hại về việc bồi thường thiệt hại với tổng số tiền là 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*). Các bị cáo đã bồi thường xong. Anh Thành không yêu cầu các bị cáo trả lại số tiền đã mua điện thoại các bị cáo cướp giật 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

Về xử lý vật chứng: Không đặt ra giải quyết

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 21, Điều 23 và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: bị cáo Nguyễn Trung K và Hoàng Đức N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Đình T.

Ý kiến của người những người đại diện hợp pháp cho bị cáo K, N và người giám hộ cho bị cáo T: Đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại: Đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Ý kiến của người bào chữa cho các bị cáo: Nhất trí với quan điểm của Viện kiểm sát nhưng đề nghị HĐXX xem xét áp dụng thêm Điều 54 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo được hưởng mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Các bị cáo đều không có ý kiến tranh luận gì.

Phản tranh luận của đại diện Viện kiểm sát: Không chấp nhận ý kiến của người bào chữa cho các bị cáo, giữ nguyên quan điểm không áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo.

Các bị cáo có lời nói sau cùng: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công huyện P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đều thừa nhận đã cùng nhau cướp giật điện thoại của Cháu Mai Thị A đem bán để lấy tiền chi tiêu cá nhân. Các bị cáo là người dưới 18 tuổi nhưng đã đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật mà vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, đúng như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố và được chứng minh bằng: đơn trình báo, lời khai của bị hại; biên bản xác minh tình trạng thương tích bị hại; các biên bản tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu; lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, lời khai của người làm chứng, bản kết luận định giá tài sản cùng toàn bộ các tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Do đó có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 14 giờ ngày 29/6/2022, tại đường ĐT396B, thuộc thôn ĐH, xã X, huyện P, tỉnh Thái Bình, Nguyễn Trung K điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave alpha, màu sơn trắng đen bạc, biển kiểm soát 17B4-381.77 (thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông Phạm C – là bố đẻ bị cáo N) chở Hoàng Đức N và Nguyễn Đình T vượt lên áp sát bên trái xe máy điện nhãn hiệu BEFORE ALL, màu đỏ đen, biển kiểm soát 17MĐ5-009.03, do Cháu Mai Thị A, sinh ngày 19/9/2006 (người dưới 16 tuổi) điều khiển đi phía trước cùng chiều khi cách xe cháu A khoảng 40cm - 50 cm thì T ngồi sau đẩy người lên làm điểm tựa cho N ngồi giữa dựa vào quay sang dùng hai tay giật lấy chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J6+ màu đỏ, lắp 02 sim thuê bao có ốp lưng cao su màu trắng và 01 căn cước công dân cháu A đang cầm ở tay trái rồi bỏ chạy làm xe máy điện đổ, cháu A ngã xuống đường bị trầy xước da vùng trán, tay phải và môi trên bên trái. Sau đó bán cho anh anh Bùi Văn T1 được số tiền 300.000 đồng sử dụng chi tiêu chung hết. Trị giá tài sản các bị cáo chiếm đoạt là 1.530.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đã phạm tội “*Cướp giật tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d, g khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

Điều 171. Tội cướp giật tài sản

“1. Người nào cướp giật tài sản của người khác, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

.....

d) Dùng thủ đoạn nguy hiểm;

.....

g) Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai, người già yếu hoặc người không có khả năng tự vệ;

.....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng”

Viện kiểm sát nhân dân huyện P truy tố các bị cáo về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d, g khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thấy: Các bị cáo thực hiện hành vi một cách táo bạo, liều lĩnh, giữa ban ngày. Hành vi của các bị cáo đã gây mất trật tự trị an và tạo dư luận bất bình trong quần chúng nhân dân, các bị cáo dùng phương tiện xe mô tô là nguồn nguy hiểm cao độ để tiếp cận bị hại cũng đang điều khiển xe máy điện, hành vi mà các bị cáo thực hiện có khả năng gây nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe của bị hại, của bản thân các bị cáo và những người tham gia giao thông khác. Vì vậy, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật với mức án tương xứng hành vi các bị cáo đã gây ra.

[4] Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo phạm tội mang tính chất tự phát, không bàn bạc, phân công cụ thể cho từng người nhưng cũng cần thấy được vai trò của từng bị cáo để lên một mức án tương xứng với hành vi mà các bị cáo đã gây ra. Bị cáo K là người khởi xướng, rủ rê, là người trực tiếp điều khiển xe mô tô để chở N và T, K còn là người sử dụng một phần tài sản cướp giật (ốp lưng điện thoại). Bị cáo N là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo T là người giúp sức cho bị cáo K và bị cáo N thực hiện hành vi phạm tội, sau khi cướp giật được điện thoại bị cáo còn dùng tăm tháo sim vứt đi cùng với căn cước công dân của cháu Thư đã gây khó khăn cho việc xử lý vụ án. Như vậy, bị cáo K là người có vai trò cao nhất, sau đó đến bị cáo N, bị cáo T có vai trò thấp nhất trong vụ án.

[5] Về tình tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền 3.000.000đ, trong giai đoạn điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, do đó các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ “Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại” và “Người phạm tội thành khẩn khai báo”, quy định tại điểm b, s khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo Hoàng Đức N sau khi phạm tội đã ra đầu thú; bị hại Mai Thị A và người đại diện hợp pháp cho bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên các bị cáo được áp dụng tình

tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2, Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Về nhân thân các bị cáo: Bị cáo K có nhân thân xấu, năm 2021 đã bị Công an huyện P xử phạt hành chính bằng hình thức cảnh cáo về hành vi đánh nhau và trộm cắp tài sản. Bị cáo N và bị cáo T là người có nhân thân tốt.

[8] Về loại và mức hình phạt áp dụng đối với các bị cáo: Từ những nhận định nêu trên nên cần chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc không cho các bị cáo được áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng. Bị cáo K và bị cáo N trong thời gian áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đã vi phạm nghĩa vụ cam đoan nên đã bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam thay cho biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Điều đó thể hiện bị cáo N và bị cáo K không có ý thức ăn năn hối cải để rèn luyện tu dưỡng bản thân mà lại tiếp tục thực hiện hành vi vi phạm pháp luật khác. Mặt khác tội phạm mà các bị cáo thực hiện thuộc loại tội rất nghiêm trọng nên cần cách ly bị cáo K và bị cáo N ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định thì mới có tác dụng giáo dục các bị cáo nói chung và có tác dụng trong đấu tranh phòng ngừa tội phạm nói riêng. Bị cáo T tính đến thời điểm phạm tội chưa đủ 16 tuổi, có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú ổn định rõ ràng, bản thân bị cáo đang là học sinh nên cần lên một mức án tương xứng, cho bị cáo được cải tạo tại địa phương cũng có tác dụng răn đe giáo dục bị cáo. Mức hình phạt áp dụng đối với các bị cáo như mức Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

[8] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều là người dưới 18 tuổi phạm tội, theo quy định tại khoản 6 Điều 91 Bộ luật Hình sự các bị cáo không bị áp dụng hình phạt bổ sung.

[9] Về trách nhiệm dân sự: 01 căn cước công dân mang tên Mai Thị A và 02 sim thuê bao điện thoại, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã truy tìm nhưng không có kết quả nên không thu hồi được; chiếc xe máy điện nhãn hiệu BEFORE ALL, màu đỏ đen, biển kiểm soát 17MĐ5-009.03, cháu Thư điều khiển đi ra đường nhưng không bị thiệt hại; cháu Thư và gia đình không có yêu cầu đề nghị đối với những tài sản này. Quá trình điều tra các bị cáo và gia đình đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường cho cháu A chi phí cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe số tiền 3.000.000đ. Cháu Thư và gia đình đã nhận đủ số tiền trên và không có yêu cầu đề nghị gì về trách nhiệm dân sự nên cần ghi nhận sự thỏa thuận này là phù hợp với Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, khoản 1 Điều 585 và Điều 590 Bộ luật Dân sự. Anh Bùi Văn T1 không yêu cầu các bị can phải hoàn trả số tiền 300.000đ đã bỏ ra để mua chiếc điện thoại nên không đặt ra giải quyết.

[10] Về xử lý vật chứng: Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J6+ màu đỏ, 01 ốp lưng cao su màu trắng mà các bị cáo cướp giật là tài sản của cháu Mai Thị A, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P đã trả lại cho cháu Thư. 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave alpha, màu sơn trắng đen bạc, biển kiểm soát 17B4-381.77 (dung tích 109 cm³) các bị cáo sử dụng làm phương tiện

đi cướp giật tài sản là tài sản hợp pháp của ông Phạm C - bố đẻ bị can N. Ông C không biết việc bị cáo N lấy xe và sử dụng vào việc phạm tội. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P đã trả lại chiếc xe cho ông C là phù hợp.

[11] Đối với anh Bùi Văn T1 và anh Nguyễn Văn Đ thấy rằng anh T1 là người đã mua chiếc điện thoại của các bị cáo, còn anh Đ là người chạy lại phần mềm để mở khóa chiếc điện thoại. Anh T1 và anh Đ đều không biết đó là tài sản do các bị cáo cướp giật mà có nên Cơ quan điều tra đã không xử lý với anh T1 và anh Đ là phù hợp. Đối với hành vi điều khiển xe mô tô có dung tích xi lanh trên 50cm³ tham gia giao thông khi chưa đủ tuổi và chở quá số người quy định của các bị cáo Nguyễn Trung K và Hoàng Đức N, Công an huyện P đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính là phù hợp.

[12] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Trung K, Hoàng Đức N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Đình T là trẻ em, có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo T là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 21, Điều 23, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[13] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người đại diện hợp pháp cho các bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp cho bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trung K, Hoàng Đức N và Nguyễn Đình T phạm tội “*Cướp giật tài sản*”.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm d, g khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 12; Điều 17; Điều 58; Điều 50; Điều 38; Điều 90; Điều 91, Điều 98 và Điều 101 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Trung K và Hoàng Đức N:

Xử phạt bị Nguyễn Trung K 02 (Hai) năm 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 23/10/2022.

Xử phạt bị cáo Hoàng Đức N 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 18/10/2022.

- Áp dụng điểm d, g khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 12; Điều 17; Điều 58; Điều 50; Điều 38; khoản 1, khoản 2 Điều 65; Điều 90; Điều 91, Điều 98 và Điều 101 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị Nguyễn Đình T 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 (Ba) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (10/01/2023).

Giao bị cáo T cho Ủy ban nhân dân xã QH, huyện P, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, khoản 1 Điều 585 và Điều 590 của Bộ luật Dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện, thỏa thuận giữa các bị cáo và bị hại về việc bồi thường thiệt hại với tổng số tiền là 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*). Các bị cáo đã bồi thường xong. Anh Thành không yêu cầu các bị cáo trả lại số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

4. Về xử lý vật chứng: Không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 21, Điều 23, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc về hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: bị cáo Nguyễn Trung K và Hoàng Đức N phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Đình T.

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Những người có mặt: các bị cáo Nguyễn Trung K, Hoàng Đức N, Nguyễn Đình T, bà Bùi Thị C, ông Phạm C, bà Vũ Thị Ngô, ông Lê Chí D và bà Trần Thị L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người vắng mặt: Bị hại, đại diện hợp pháp cho bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo, đại diện hợp pháp cho bị cáo;
- Người bào chữa cho các bị cáo;
- Bị hại, đại diện hợp pháp cho bị hại;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại;
- Người có quyền lợi & nghĩa vụ liên quan;
- VKSND h. Quỳnh Phụ;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Công an & Chi cục THADS h. Quỳnh Phụ;
- TAND & Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Nhà tạm giữ;
- Trại tạm giam;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Duyên
(*Đã ký*)

- UBND xã QT, h.P;
- UBND xã QH, h.P;
- UBND xã TĐ, h.H;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.